

TÍCH HỢP CHỦ ĐỀ GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG THÀNH PHỐ CẦN THƠ TRONG DẠY HỌC MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ Ở CẤP TIỂU HỌC TỪ GÓC NHÌN CỦA HỌC SINH

LÊ VĂN NHƯƠNG

LÊ NGỌC HÓA

Trường Sư phạm, Đại học Cần Thơ

HVCH HÀ HỮU NGHỊ

Trường Tiểu học Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

Nhận bài ngày 22/7/2026. Sửa chữa xong 25/8/2026. Duyệt đăng 27/8/2026.

Abstract

This study examines the integration of local education topics concerning Can Tho City into History and Geography instruction for fourth- and fifth-grade students from the learners' perspectives. A survey of 643 students revealed that they held positive attitudes toward their hometown and frequently engaged with topics relating to local scenic attractions, natural features, and the environment. However, the learning process was constrained by teacher-centered instruction, insufficient visual materials, limited opportunities for experiential learning, and disparities in facilities between urban and rural areas. Accordingly, students expressed a strong preference for field trips, engaging audiovisual materials, and interactive games. These findings provide an empirical basis for proposing pedagogical solutions to improve the effectiveness of integrating local education into primary education.

Keywords: Can Tho City, current status, History and Geography, integrated teaching, local education, primary school students.

1. Đặt vấn đề

Giáo dục địa phương (GDĐP) và dạy học tích hợp đã sớm được quan tâm nghiên cứu và khẳng định vị trí chiến lược trong chương trình phổ thông (GDPT) tại nhiều quốc gia trên thế giới. Tại Mỹ, GDĐP được lồng ghép vào chương trình lịch sử và xã hội học qua các mô hình địa phương hóa (Drake & Burns, 2004). Tại Anh, việc giảng dạy Lịch sử địa phương đã trở thành nội dung nền tảng trong phát triển tư duy liên ngành cho học sinh (HS) (Jacobs, 1989; Stephen, 1977). Tuy nhiên, các nghiên cứu quốc tế cũng chỉ ra rào cản lớn nhất của tiến trình này là sự thiếu đồng bộ trong khung nội dung và đòi hỏi nguồn lực về học liệu cũng như năng lực của giáo viên (GV) (Beane, 1997). Tại Việt Nam, Chương trình GDPT 2018 xác định GDĐP là thành phần bắt buộc nhằm trang bị cho HS những hiểu biết về nơi sinh sống, bồi dưỡng tình yêu quê hương và ý thức gìn giữ bản sắc văn hóa. Đối với cấp tiểu học, GDĐP không tổ chức thành môn học riêng biệt mà được lồng ghép, tích hợp vào các môn học và Hoạt động trải nghiệm (HĐTN); trong đó, môn Lịch sử và Địa lí (lớp 4 và lớp 5) được xem là không gian sư phạm có ưu thế vượt trội nhất để tích hợp tri thức địa phương một cách tự nhiên (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018a). Nội dung môn học yêu cầu phải “liên hệ nội dung bài học với những nét đặc thù, tiêu biểu của lịch sử, địa lí ở địa phương” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018b), tạo đòn bẩy thiết yếu để hiện thực hóa mục tiêu đổi mới trong giai đoạn hiện nay.

Mặc dù vậy, thực tiễn triển khai tích hợp GDĐP hiện nay vẫn gặp nhiều bất cập do sự trùng khập và khác biệt giữa định hướng mục tiêu với hình thức thực hiện, kết hợp với các rào cản về thời lượng môn học, năng lực sư phạm của GV và sự thiếu hụt các điều kiện tổ chức HĐTN thực tế trong môn Lịch sử và Địa lí (Chu Thị Mai Hương và cộng sự, 2024; Huỳnh Mộng Tuyền, 2020; Phan Thanh Hà, Nguyễn Thanh

Email: lnhoa@ctu.edu.vn

Hoa, 2023; Nguyễn Thị Xuân Yến và cộng sự, 2024). Tại TP. Cần Thơ - trung tâm của vùng Đồng bằng sông Cửu Long với bề dày lịch sử và văn hóa sông nước phong phú, việc khai thác tài liệu địa phương tại các trường tiểu học chủ yếu vẫn mang tính tự phát, thiếu các nghiên cứu hệ thống về quy trình và giải pháp tích hợp cho từng môn học. Đáng chú ý, các nghiên cứu trước đây phần lớn tiếp cận dưới góc độ quản lý, chính sách và định hướng triển khai, chưa đánh giá sâu thực trạng trải nghiệm học tập và nguyện vọng thực tế từ góc nhìn của chính người học. Để đánh giá khách quan thực trạng này, nghiên cứu tiến hành khảo sát HS tiểu học (khối 4 và khối 5) trên địa bàn TP. Cần Thơ về nhận thức, hành vi, mức độ tham gia hoạt động, các mạch nội dung tiếp thu, rào cản học tập và nguyện vọng đổi mới giờ học. Số liệu về thực trạng trong nghiên cứu này là cơ sở thực tiễn quan trọng để xác định chính xác điểm nghẽn, từ đó đề xuất các giải pháp sư phạm khả thi nhằm nâng cao hiệu quả tích hợp nội dung GDĐP TP. Cần Thơ trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí ở cấp tiểu học.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Khách thể khảo sát

Mẫu nghiên cứu gồm N = 643 HS lớp 4 và lớp 5 tại một số trường tiểu học trên địa bàn TP. Cần Thơ, gồm các trường: TH Ngô Quyền, TH Trần Quốc Toản, TH Tô Hiến Thành, TH Thời Bình 1 (phường Ninh Kiều); TH Nguyễn Hiền (phường Tân An); TH Cái Khế 2, TH Phan Bội Châu (phường Cái Khế); TH Trung An 1 (phường Trung Nhứt); TH Lê Bình 2 (phường Cái Răng), TH Him Lam (phường Vị Tân); TH Lâm Thành Hưng (phường Sóc Trăng) được phân bổ cân đối theo địa bàn gồm 336 HS thành thị (52,3%) và 307 HS nông thôn (47,7%); theo giới tính gồm 305 nam (47,4%) và 338 nữ (52,6%); theo khối lớp gồm 231 HS lớp 4 (35,9%) và 412 HS lớp 5 (64,1%). Cơ cấu mẫu này đảm bảo tính đại diện cao, phản ánh toàn diện thực trạng giáo dục giữa vùng trung tâm đô thị và vùng ven.

2.2. Phương pháp khảo sát

Nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi giấy trực tiếp (từ ngày 01/5/2026 đến 15/5/2026) nhằm thu thập dữ liệu về: 1) Nhận thức, tình cảm; 2) Thực trạng tìm hiểu, trải nghiệm và học tập; 3) Rào cản tiếp thu; 4) Mong muốn đổi mới của HS đối với nội dung GDĐP. Hệ thống câu hỏi đóng được chuẩn hóa theo thang đo Likert 5 mức độ, đạt độ tin cậy nội hàm cao với hệ số Cronbach's Alpha dao động từ 0,794 đến 0,915 (vượt ngưỡng 0,70).

2.3. Phương pháp phân tích số liệu

Dữ liệu được xử lý trên phần mềm Jamovi bằng các kỹ thuật thống kê mô tả: Tần số (N) và tỷ lệ phần trăm (%) để mô tả cơ cấu nhân khẩu học; Giá trị trung bình (M) và Độ lệch chuẩn (SD) để đo lường mức độ đồng thuận và phân tán của dữ liệu theo thang Likert 5 mức độ với khoảng rải xác định theo quy ước: 1,00 - 1,80 (Hoàn toàn không đồng ý/Không bao giờ); 1,81 - 2,60 (Không đồng ý/Hiếm khi); 2,61 - 3,40 (Phân vân/Thỉnh thoảng); 3,41 - 4,20 (Đồng ý/Thường xuyên); 4,21 - 5,00 (Hoàn toàn đồng ý/Rất thường xuyên); cùng Thứ hạng (Rank) để xác định thứ tự ưu tiên.

3. Nội dung nghiên cứu

3.1. Về nhận thức và tình cảm của học sinh đối với quê hương Cần Thơ

Để đánh giá nhận thức và tình cảm của người học làm nền tảng cho việc tích hợp chủ đề GDĐP TP. Cần Thơ trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí lớp 4 và lớp 5, nghiên cứu đã tiến hành khảo sát 643 HS tiểu học. Kết quả chi tiết được tổng hợp tại bảng 1.

Bảng 1: Nhận thức và tình cảm của HS đối với quê hương Cần Thơ

Nội dung	Mức độ (%)					Điểm TB (Mean)	Độ lệch chuẩn (SD)
	RKĐY	KĐY	PV	ĐY	RĐY		
1. Em hiểu rằng học Lịch sử và Địa lí giúp em thêm yêu và tự hào về quê hương mình.	5,8	1,7	8,4	30,5	53,7	4,25	1,072
2. Em thấy việc học về các di tích, danh nhân Cần Thơ là rất cần thiết.	1,7	7,0	20,2	40,7	30,3	3,91	0,966

3. Em thấy mình phải có trách nhiệm đóng góp cho sự phát triển của Cần Thơ qua việc chăm học, làm những việc có ích.	1,2	4,5	14,6	29,5	50,1	4,23	0,943
4. Em nhận thấy các kiến thức về chợ nổi, làng nghề rất gần gũi với cuộc sống hàng ngày.	2,6	5,8	18,2	40,4	33,0	3,95	0,990
5. Em biết mình cần có trách nhiệm bảo vệ môi trường và các cảnh đẹp của Cần Thơ.	2,2	1,7	7,3	25,5	63,3	4,46	0,872
Trung bình tổng	2,70	4,14	13,74	33,32	46,08	4,16	0,969

Ghi chú: Rất không đồng ý (RKĐY); không đồng ý (KĐY); phân vân (PV); đồng ý (ĐY); rất đồng ý (RDY).

Kết quả bảng 1 chỉ ra HS tiểu học tại TP. Cần Thơ có nhận thức rất tích cực và dành tình cảm sâu sắc đối với quê hương. Mức độ đánh giá chung đạt điểm trung bình (ĐTB) tổng $M = 4,16$ ($SD = 0,969$), tiệm cận ngưỡng hoàn toàn đồng ý (79,40%) phản hồi ở mức tích cực. Điều này khẳng định lòng tự hào về địa phương và ý thức cộng đồng của HS cuối cấp tiểu học đã hình thành rõ nét, tạo nền tảng tâm lý vô cùng thuận lợi cho việc tích hợp nội dung GDĐP vào môn Lịch sử và Địa lí.

Kết quả phân tích cho thấy sự khác biệt về mức độ đồng thuận giữa hai nhóm nhận thức: 1) Nhóm ý thức trách nhiệm và tình cảm gắn kết đạt mức đồng thuận rất cao. HS thể hiện rõ nhất ở trách nhiệm bảo vệ môi trường, cảnh quan địa phương (câu 5, $M = 4,46$; $SD = 0,872$), lòng tự hào quê hương qua môn học (câu 1, $M = 4,25$; $SD = 1,072$) và ý thức trách nhiệm đóng góp phát triển thành phố qua việc chăm học (câu 3, $M = 4,23$; $SD = 0,943$); 2) Nhóm nhận thức về giá trị kiến thức thực tiễn đạt mức độ đánh giá ở khoảng đồng ý bao gồm nhận thức về sự gần gũi của văn hóa sông nước, làng nghề (câu 4, $M = 3,95$; $SD = 0,990$) và sự cần thiết phải học về di tích, danh nhân Cần Thơ (câu 2, $M = 3,91$; $SD = 0,966$).

Thực trạng tích cực trên xuất phát từ đặc điểm tâm lý lứa tuổi tiểu học vốn giàu cảm xúc, dễ rung động trước những giá trị nhân văn, kết hợp với không gian văn hóa sông nước Cần Thơ thân thuộc hiện diện hàng ngày trong đời sống của các em. Đáng chú ý, độ lệch chuẩn ở hầu hết các tiêu chí đều nhỏ hơn 1,0 ($SD = 0,872$ đến $0,990$), chứng tỏ sự đồng thuận rất cao và tập trung trong nhận thức của HS. Riêng tiêu chí lòng tự hào quê hương có độ lệch chuẩn $SD = 1,072$ ($> 1,0$) chỉ ra vẫn còn sự phân hóa nhẹ giữa các vùng trường do chênh lệch về điều kiện tiếp cận học liệu trực quan. Đây là căn cứ quan trọng để GV tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học, đưa các chủ đề GDĐP Cần Thơ vào bài học một cách sinh động, hấp dẫn và đồng đều hơn.

3.2. Về tìm hiểu, trải nghiệm và học tập các chủ đề giáo dục địa phương

Để đánh giá toàn diện quá trình người học tiếp cận các chủ đề GDĐP Cần Thơ trong môn Lịch sử và Địa lí, nghiên cứu tiến hành tổng hợp mức độ thực hiện các hành vi tự tìm hiểu, tần suất tham gia hoạt động trên lớp và mức độ tiếp cận các mạch kiến thức chủ đề GDĐP, kết quả thống kê mô tả chi tiết tại bảng 2.

Bảng 2: Mức độ tìm hiểu, trải nghiệm và học tập các chủ đề GDĐP

Nội dung	Mức độ (%)					Điểm TB (Mean)	Độ lệch chuẩn (SD)
	KBG	HK	TT	TX	RTX		
1. Mức độ thực hiện các việc làm tìm hiểu về Cần Thơ của HS.	8,66	16,04	30,42	23,76	21,08	3,32	1,208
2. Mức độ được tham gia hoạt động của HS trong giờ học Lịch sử và Địa lí liên quan đến nội dung quê hương Cần Thơ.	9,28	17,30	26,92	25,32	21,22	3,32	1,172
3. Mức độ được học các nội dung có liên quan về địa phương trong môn Lịch sử và Địa lí.	4,03	9,30	23,17	31,34	32,13	3,78	1,101
Trung bình tổng	7,32	14,21	26,84	26,81	24,81	3,47	1,160

Ghi chú: Không bao giờ (KBG); hiếm khi (HK); thỉnh thoảng (TT); thường xuyên (TX); rất thường xuyên (RTX).

Theo kết quả ở bảng 2, HS đánh giá thực trạng tìm hiểu, trải nghiệm và học tập các chủ đề GDĐP Cần Thơ trong môn Lịch sử và Địa lí đạt mức độ chung với ĐTB tổng $M = 3,47$ ($SD = 1,160$), vừa chạm ngưỡng giá trị thường xuyên (51,62%) phản hồi ở mức tích cực (thường xuyên và rất thường xuyên). Xét theo từng nhóm nội dung khảo sát, cụ thể:

1) Mức độ được học các nội dung có liên quan về địa phương: Nhận được mức độ đánh giá cao nhất với ĐTB $M = 3,78$ ($SD = 1,101$), nằm vững chắc ở mức “Thường xuyên”. Có đến 63,47% HS xác nhận được tiếp cận thường xuyên và rất thường xuyên các chủ đề địa phương trên lớp, trong khi tỷ lệ chưa từng được học chỉ chiếm mức rất thấp (4,03%). Kết quả này khẳng định chương trình môn học đã bao quát khá đầy đủ các mạch tri thức địa phương theo yêu cầu cần đạt.

2) Mức độ được tham gia hoạt động trong giờ học: Đạt ĐTB $M = 3,32$ ($SD = 1,172$), dừng lại ở khoảng “Thỉnh thoảng” với 46,54% HS lựa chọn Mức 4 và Mức 5. Thực trạng này chỉ ra rằng giờ học trên lớp chủ yếu vẫn phụ thuộc vào phương thức truyền thụ kiến thức một chiều từ GV; các HĐTN thực hành, tương tác nhóm hay làm sản phẩm sáng tạo của HS vẫn chưa được tổ chức định kỳ và đồng đều.

3) Mức độ thực hiện các việc làm tìm hiểu về Cần Thơ của HS: Ghi nhận ĐTB $M = 3,32$ ($SD = 1,208$), rơi vào khoảng giá trị thỉnh thoảng (44,84%) phản hồi tích cực. Vẫn còn hơn một nửa số HS (55,16%) thừa nhận chỉ thỉnh thoảng, hiếm khi hoặc chưa bao giờ chủ động thực hiện các hành vi tự tìm hiểu, rèn luyện kỹ năng sử dụng bản đồ hay khám phá văn hóa, lịch sử quê hương ngoài giờ học.

Nguyên nhân xuất phát từ áp lực thời lượng môn học trên lớp, sự thiếu hụt các bộ học liệu số hỗ trợ tương tác và khó khăn trong khâu tổ chức các HĐTN thực địa. Đáng chú ý, độ lệch chuẩn ở cả 03 tiêu chí khảo sát đều đạt mức cao ($SD > 1,1$, dao động từ 1,101 đến 1,208), thể hiện sự phân tán rất lớn trong câu trả lời của HS. Sự phân tán này phản ánh rõ nét sự chênh lệch về điều kiện hạ tầng công nghệ, cơ sở vật chất và cơ hội học tập trải nghiệm giữa các trường thuộc khu vực trung tâm (thành thị) và ngoại thành (nông thôn) trên địa bàn TP. Cần Thơ. Kết quả khảo sát ở bảng 2 là căn cứ quan trọng để nhà trường và GV xây dựng các giải pháp sư phạm phù hợp: cần cân đối lại thời lượng bài học, tăng cường ứng dụng học liệu số trực quan và đẩy mạnh tổ chức các HĐTN thực tế giúp HS chủ động chiếm lĩnh tri thức và phát triển năng lực toàn diện.

3.3. Về mức độ ảnh hưởng của các rào cản đối với học sinh

Khảo sát nhận thức về mức độ ảnh hưởng của các rào cản trong quá trình học tập nội dung GDĐP TP. Cần Thơ thuộc môn Lịch sử và Địa lí, nghiên cứu thu được kết quả chi tiết ở bảng 3.

Bảng 3: Thực trạng về mức độ ảnh hưởng của các rào cản đối với HS

Nội dung	Mức độ (%)					Điểm TB (Mean)	Độ lệch chuẩn (SD)
	RKĐY	KĐY	PV	ĐY	RĐY		
1. Mức độ ảnh hưởng của rào cản từ tài liệu, sách giáo khoa	15,90	21,65	29,05	21,23	12,18	2,92	1,243
2. Mức độ ảnh hưởng của rào cản từ phương pháp dạy học	12,38	21,70	24,00	25,10	16,88	3,12	1,255
3. Mức độ ảnh hưởng của rào cản từ học liệu trực quan	14,05	19,35	25,65	24,08	16,95	3,11	1,280
4. Mức độ ảnh hưởng của rào cản từ HĐTN thực tế	11,63	16,25	27,78	24,73	19,60	3,24	1,260
Trung bình tổng	13,49	19,74	26,62	23,79	16,40	3,10	1,259

Theo kết quả ở bảng 3, HS đánh giá các rào cản thuộc 04 nhóm nội dung khảo sát đều gây ảnh hưởng ở mức độ trung bình đến hiệu quả tiếp thu kiến thức địa phương Cần Thơ, với ĐTB tổng đạt $M = 3,10$ ($SD = 1,259$), rơi hoàn toàn vào khoảng phân vân/Ảnh hưởng mức trung bình. Xét theo từng nhóm rào cản cụ thể:

Rào cản từ HĐTN thực tế (câu 4): Nhận được mức độ đồng thuận cao nhất về ảnh hưởng với ĐTB $M = 3,24$ ($SD = 1,260$). Có đến 44,33% HS khẳng định việc thiếu các chuyến tham quan thực địa, thiếu cơ hội trải nghiệm thực tế ngoài lớp học gây ảnh hưởng nhiều và rất nhiều đến khả năng nắm bắt bài học địa phương; Rào cản từ phương pháp dạy học (câu 2): Đạt ĐTB $M = 3,12$ ($SD = 1,255$), với 41,98% HS lựa chọn Mức 4 và Mức 5. Kết quả này chỉ ra việc GV duy trì lối truyền thụ thuyết giảng một chiều, ít tổ chức thảo luận nhóm hay trò chơi tương tác vẫn là một điểm nghẽn thực tế. Rào cản từ học liệu trực quan (câu 3): Ghi nhận ĐTB $M = 3,11$ ($SD = 1,280$), với 41,03% HS chịu tác động ở mức độ cao. Sự thiếu hụt video minh họa sinh động, tranh ảnh trực quan hay mô hình tái hiện sự kiện lịch sử làm hạn chế năng lực hình dung kiến thức trừu tượng của người học. Rào cản từ tài liệu, sách giáo khoa (câu 1): Mặc dù ghi nhận ĐTB thấp nhất trong 04 nhóm ($M = 2,92$; $SD = 1,243$) nhưng vẫn nằm trong khoảng trung

binh. Vẫn có 33,41% HS đánh giá nội dung sách giáo khoa chủ yếu là chữ, ít hình ảnh hoặc kênh hình chưa thực sự sinh động gây khó khăn cho việc tiếp thu.

Nguyên nhân của những rào cản này xuất phát từ thực tiễn dạy học môn Lịch sử và Địa lí ở cấp tiểu học hiện nay còn thiếu các bộ tài liệu hỗ trợ chuẩn hóa, các hoạt động cốt lõi của dạy học trải nghiệm như khám phá trực tiếp, thao tác và thực hành chưa được triển khai đồng đều giữa các nhà trường do hạn chế về không gian và điều kiện cơ sở vật chất (Hà Thị Kim Linh & Nguyễn Đức Vinh, 2026). Đáng chú ý, độ lệch chuẩn ở cả 04 tiêu chí khảo sát đều đạt mức $SD > 1,2$ ($SD = 1,243$ đến $1,280$), thể hiện sự phân tán rất lớn trong câu trả lời của HS. Sự phân tán này phản ánh rõ nét sự chênh lệch điều kiện hạ tầng, cơ sở vật chất và năng lực đổi mới phương pháp dạy học giữa các trường thuộc khu vực trung tâm (thành thị) và ngoại thành (nông thôn) trên địa bàn TP. Cần Thơ. Kết quả khảo sát ở bảng 3 là căn cứ thực chứng quan trọng để nhà trường và GV xây dựng các giải pháp khắc phục rào cản: cần tăng cường học liệu trực quan số, đổi mới hình thức tổ chức dạy học tương tác, đồng thời thiết kế các HĐTN thực tế phù hợp để giúp HS tiểu học tiếp thu nội dung GDĐP Cần Thơ một cách hứng thú và hiệu quả hơn.

3.4. Mong muốn của học sinh nhằm nâng cao hiệu quả học tập nội dung giáo dục địa phương

Khảo sát nhu cầu và nguyện vọng của HS nhằm đề xuất các biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng và hứng thú học tập các chủ đề GDĐP Cần Thơ trong môn Lịch sử và Địa lí, nghiên cứu thu được kết quả chi tiết trong bảng 4.

Bảng 4: Mong muốn của HS nhằm nâng cao hiệu quả học tập nội dung GDĐP

Nội dung	Mức độ (%)					Điểm TB (Mean)	Độ lệch chuẩn (SD)	Thứ hạng
	RKĐY	KĐY	PV	ĐY	RĐY			
1. Thầy/cô nên sử dụng nhiều phim ảnh, tranh ảnh sinh động về Cần Thơ trong giờ học.	7,0	2,8	13,4	29,1	47,7	4,08	1,162	3
2. Em muốn được tham gia các trò chơi đồ chơi, đóng vai nhân vật lịch sử để hiểu bài hơn.	3,3	7,3	15,1	34,1	40,3	4,01	1,068	2
3. Em mong muốn được thầy cô tổ chức đi tham quan thực tế các địa điểm nổi tiếng ở Cần Thơ.	2,2	2,6	14,3	29,2	51,6	4,26	0,947	1
4. Em thích được kiểm tra bài học thông qua các trò chơi trên tivi/máy chiếu (như Rung chuông vàng).	4,4	5,8	16,2	35,8	37,9	3,97	1,079	4
5. Em thích làm một cuốn sổ nhỏ ghi lại những điều thú vị về Cần Thơ.	5,3	7,2	24,4	28,5	34,7	3,80	1,147	5
Trung bình tổng	4,44	5,14	16,68	31,34	42,44	4,02	1,081	

Kết quả bảng 4 cho thấy HS tiểu học tại TP. Cần Thơ thể hiện sự đồng thuận rất cao đối với các đề xuất đổi mới, cải tiến giờ học nội dung địa phương. ĐTB tổng của nhóm đề xuất đạt $M = 4,02$ ($SD = 1,081$), nằm vững chắc trong khoảng giá trị đồng ý và tiệm cận mức hoàn toàn đồng ý (73,78%) phản hồi ở mức tích cực.

Phân tích mô hình nhu cầu theo thứ hạng ưu tiên chỉ ra định hướng chuyển dịch rõ nét của người học: 1) Nhu cầu trải nghiệm thực địa ngoài lớp học (Hạng 1): Nhận được mức độ mong muốn cao nhất và là tiêu chí duy nhất đạt ngưỡng “Hoàn toàn đồng ý” (câu 3, $M = 4,26$; $SD = 0,947$). HS thể hiện nguyện vọng đặc biệt lớn trong việc thoát khỏi không gian lớp học để trực tiếp quan sát di sản sông nước quê hương; 2) Nhu cầu đổi mới phương pháp tương tác và học liệu trực quan (Hạng 2 và Hạng 3): HS rất ủng hộ việc học qua phương pháp trực quan sinh động như phim ảnh, video (câu 1, $M = 4,08$; $SD = 1,162$; Hạng 3). Kết quả này hoàn toàn tương thích với đặc điểm tư duy trực quan hình ảnh của lứa tuổi HS 9-10 tuổi. Các hoạt động tương tác mang tính kết nối như trò chơi đồ chơi, đóng vai nhân vật lịch sử (câu 2, $M = 4,01$; $SD = 1,068$; Hạng 2). Điều này cho thấy, HS cuối cấp tiểu học rất hào hứng với các hình thức học mà chơi, đóng vai để đặt mình vào các sự kiện lịch sử thay vì thụ động nghe kể; 3) Nhu cầu game hóa kiểm tra, đánh giá và tạo sản phẩm học tập (Hạng 4 và Hạng 5): Các em hào hứng với việc kiểm tra bài học qua các trò chơi số trên tivi/máy chiếu như Rung chuông vàng (câu 4, $M = 3,97$;

SD = 1,079) và vẫn nằm vững chắc ở mức đồng ý (63,2%) HS lựa chọn tự làm các sản phẩm sáng tạo cá nhân như cuốn sổ tay địa phương (câu 5, M = 3,80; SD = 1,147).

Kết quả tại bảng 4 chính là phản hồi trực tiếp đối với các điểm nghẽn về rào cản ở bảng 3. Việc HS ưu tiên lựa chọn tham quan thực tế (M = 4,26) và trò chơi tương tác (M = 4,01) phản ánh xu hướng chuyển dịch từ học tập thụ động sang học tập qua trải nghiệm. Nguyên nhân do HS tiểu học ngày nay được tiếp xúc sớm với truyền thông đa phương tiện nên có nhu cầu cao về tính trực quan và tương tác. Đáng chú ý, độ lệch chuẩn ở tiêu chí tham quan thực tế đạt SD = 0,947 (< 1,0) thể hiện sự đồng thuận rất cao và tập trung của người học. Đây chính là mong muốn từ phía người học dành cho GV và nhà trường. Vì vậy, cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (sử dụng video, phần mềm trình chiếu, game hóa bài kiểm tra), kết hợp linh hoạt các hình thức tổ chức dạy học trong lớp thông qua khai thác hiệu quả tư liệu về nhân vật lịch sử, câu chuyện địa phương và hoạt động đóng vai (Phạm Thị Út, Bùi Thị Hằng, 2024), đồng thời tăng cường tổ chức các HĐTN thực địa tại bảo tàng, di tích lịch sử Cần Thơ nhằm đáp ứng nguyện vọng của HS, qua đó nâng cao chất lượng dạy học tích hợp theo định hướng phát triển năng lực của Chương trình GDPT 2018.

4. Kết luận

Kết quả khảo sát 643 HS tiểu học (khối 4 và khối 5) tại TP. Cần Thơ về thực trạng tích hợp chủ đề GDĐP trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí cho thấy, đa số HS đã có nhận thức rất tích cực và tình cảm gắn kết, tự hào sâu sắc đối với quê hương Cần Thơ. Trong giờ học, việc truyền thụ các mạch kiến thức về địa danh nổi tiếng, địa lí tự nhiên và môi trường được triển khai khá đều đặn. HS cũng bước đầu có nhu cầu và tinh thần chủ động tìm hiểu các giá trị văn hóa, ẩm thực, lễ hội truyền thống của địa phương. Tuy nhiên, việc dạy học tích hợp nội dung địa phương hiện nay vẫn gặp một số khó khăn và rào cản nhất định. Các hình thức tổ chức giờ học chủ yếu vẫn thiên về truyền thụ một chiều từ GV; tần suất HS được tham gia các hoạt động học tập tương tác, thực hành thao tác trên bản đồ số, làm sản phẩm sáng tạo hay trải nghiệm thực địa ngoài lớp học còn hạn chế. Bên cạnh đó, sự thiếu hụt học liệu trực quan sinh động và sự chênh lệch về điều kiện hạ tầng giữa các nhà trường thuộc khu vực thành thị và nông thôn cũng ảnh hưởng không nhỏ đến khả năng tiếp thu của người học. Kết quả nghiên cứu này là cơ sở thực tiễn quan trọng để đề xuất một số biện pháp nhằm đổi mới hình thức tổ chức dạy học, tăng cường học liệu trực quan và học tập trải nghiệm, góp phần nâng cao hiệu quả tích hợp nội dung GDĐP TP. Cần Thơ trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí ở cấp tiểu học.

Tài liệu tham khảo

- Beane, J. A. (1997). *Curriculum integration: Designing the core of democratic education*. Teachers College Press.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018a). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018b). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông Môn Lịch sử và Địa lí*.
- Chu Thị Mai Hương, Ngô Thị Kim Hoàn, Nguyễn Thị Thúy (2024). Vận dụng mô hình giáo dục trải nghiệm của David Kolb để tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương cho học sinh tiểu học tại tỉnh Sơn La. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 20(03), 45-50.
- Hà Thị Kim Linh, Nguyễn Đức Vinh (2026). Xây dựng quy trình dạy học môn Lịch sử và Địa lí theo tiếp cận trải nghiệm ở các trường tiểu học tại Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 22(05), 113-120. <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12610514>.
- Huỳnh Mộng Tuyền (2020). Mô hình hoạt động trải nghiệm giáo dục lịch sử địa phương cho học sinh ở trường tiểu học. *Tạp chí Giáo dục*, 20(15), 28-32.
- Jacobs, H. H. (1989). *Interdisciplinary curriculum: Design and implementation*. Association for Supervision and Curriculum Development (ASCD).
- Nguyễn Thị Xuân Yến, Phạm Phương Anh, Châu Thị Kim Ngân (2024). Biện pháp bồi dưỡng năng lực dạy học, giáo dục tích hợp nội dung giáo dục địa phương cho giáo viên tiểu học. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, 21(02), 89-98.
- Phạm Thị Út, Bùi Thị Hằng (2024). Một số biện pháp sử dụng tài liệu về nhân vật lịch sử để giáo dục phẩm chất đạo đức cho học sinh trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí lớp 4. *Tạp chí Giáo dục*, 24(số đặc biệt 6), 69-74.
- Phan Thanh Hà, Nguyễn Thanh Hoa (2023). Vận dụng dạy học dự án để thực hiện nội dung giáo dục địa phương trong môn Lịch sử và Địa lí cấp Tiểu học - Góc nhìn từ giáo viên ở Hà Nội. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 19(S2), 100-106. <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12320217>.